

Questions 27-32: Dạng MCQ

Cách làm:

- Đọc câu hỏi, so sánh với bài đọc để xác định vị trí đoạn thông tin
- Đọc 4 lựa chọn: thực ra đây là 4 câu **T/F/NG**, với chỉ 1 câu TRUE, 3 câu còn lại là FALSE/NOT GIVEN (làm cả 4 câu nhưng chỉ tính điểm mỗi câu TRUE). Để chắc chắn thì kể cả đã tìm được phương án TRUE rồi, cũng nên kiểm tra lại 3 phương án kia xem có thật chúng là FALSE/NOT GIVEN không.

27 What is the main idea of the first paragraph?

Đáp án chính xác là D. **The temperature of New Zealand will increase less than that of other region in the next 100 years because it is surrounded by sea**

Giải thích: Phần cuối của đoạn văn gốc nêu lên ý chính của đoạn. Phần này tác giả đề cập đến việc nhiệt độ của New Zealand (temperature in New Zealand) tăng ít hơn vùng cực Nam (polar region - ý chỉ cực Nam) và điều này bắt nguồn (stem from) từ đại dương bao quanh New Zealand (its surrounding ocean). Ý này trùng với ý ở câu D. Vậy D là đáp án chính xác.

Lý do các đáp án còn lại chưa chính xác:

Đoạn đầu:

However, the **temperature in New Zealand** will **go up 4oC** in the **next century** while the **polar region** will **go up more than 6oC**. The different pictures of temperature **stem from its surrounding ocean** which acts like the air conditioner.

A. The temperature in the polar region will increase less than that in New Zealand in the next century.

Đáp án A nêu lên ý rằng nhiệt độ ở cực nam tăng ít hơn nhiệt độ ở New Zealand ở thế kỷ tới. Ý này trái ngược với ý của đoạn văn gốc.

=> FALSE

However, **the temperature** in **New Zealand** will go up **4oC** in the next century while the **polar region** will go up **more than 6oC**. The different pictures of temperature stem from its surrounding ocean which acts like the air conditioner. Thus New Zealand is comparatively fortunate.

B. The weather and climate of New Zealand is very important to its people because of its close location to the polar region.

For many environmentalists, the world seems to be getting warmer. **As the nearest country of the South Polar Region**, **New Zealand** has maintained an upward trend in its average temperature in the past few years.

<p>Đoạn văn gốc không nhắc đến thông tin “The weather and climate of New Zealand”.</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	
<p>C. The air condition in New Zealand will <u>maintain a high quality because of the ocean</u>.</p> <p>Ý của câu C đề cập đến việc điều kiện không khí (air condition) của New Zealand sẽ giữ được chất lượng cao nhờ vào đại dương. Ý này không được nhắc tới trong đoạn văn gốc.</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	<p>However, the temperature in New Zealand will go up 4oC in the next century while the polar region will go up more than 6oC. The different pictures of temperature stem from its surrounding ocean which acts like the air conditioner. Thus New Zealand is comparatively fortunate.</p>
<p>28. What is one effect of the wind belt that circles the Southern Oceans?</p> <p>Đáp án chính xác là B. New Zealand has to face more severe droughts in hotter months in a year.</p> <p>Giải thích: Ở đoạn văn gốc, tác giả nhắc đến việc những thay đổi của vành đai gió (changes in SAM) khiến cho độ ẩm giảm (a weakening of moisture) vào mùa hè và mưa nhiều hơn vào các mùa khác. Điều này dẫn đến hạn hán nặng trước mùa đông. Đây chính là ảnh hưởng của vành đai gió.</p> <p>Lý do các đáp án còn lại chưa chính xác:</p>	<p>[...] call “SAM” (Southern Annular Mode), which refers to the wind belt that circles the Southern Oceans [...]</p> <p>Yet recent work has revealed that changes in SAM in New Zealand have resulted in a weakening of moisture during the summer, and more rainfall in other seasons. A bigger problem may turn out to be heavier droughts for agricultural activities because of more water loss from soil, resulting in poorer harvest before winter when the rainfall arrives too late to rescue.</p>
<p>A. New Zealand will have <u>more moisture</u> in winds in summer.</p> <p>Ở đoạn văn gốc, tác giả có đề cập đến việc độ ẩm giảm ở New Zealand vào mùa hè. Ý của đáp án A trái ngược lại ý này của tác giả.</p> <p>=> FALSE</p>	<p>Yet recent work has revealed that changes in SAM in New Zealand have resulted in a weakening of moisture during the summer, and more rainfall in other seasons</p>
<p>C. Soil water will <u>increase</u> as a result of weakening moisture in the winds</p>	<p>Yet recent work has revealed that changes in SAM in New Zealand have resulted in a weakening of moisture during</p>

<p>Ở đoạn văn gốc, tác giả có đề cập đến việc độ ẩm giảm làm nước trong đất mất đi nhiều (more water loss from soil). Ý của đáp án C trái ngược với ý này của tác giả.</p> <p>=> FALSE</p>	<p>the summer, and more rainfall in other seasons. A bigger problem may turn out to be heavier droughts for agricultural activities because of more water loss from soil,</p>
<p>D. Agricultural production will be reduced as a result of more rainfall in other seasons</p> <p>Đoạn văn gốc không đề cập đến thông tin sản xuất nông nghiệp sẽ bị giảm (Agricultural production will be reduced) như trong đáp án D.</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	<p>A bigger problem may turn out to be heavier droughts for agricultural activities because of more water loss from soil, resulting in poorer harvest before winter when the rainfall arrives too late to rescue.</p>
<p>29. What does “moisture deficit” mean to the grain and crops?</p> <p>Đáp án chính xác là A. The productivity of crop production will be undermined.</p> <p>Giải thích: Trong đoạn văn gốc, tác giả đề cập đến việc khi sự sụt giảm độ ẩm (moisture deficit) diễn ra ở giai đoạn phát triển (growth stage) của vụ mùa, nó sẽ làm giảm 22% (22% reduction) sản lượng thu hoạch (grain yield). Vậy điều này có nghĩa là năng suất thu hoạch cho vụ mùa sẽ bị giảm, tương đương với ý của đáp án A.</p> <p>Lý do các đáp án còn lại chưa chính xác:</p>	<p>If moisture deficit occurs around a crucial growth stage, it will cause about 22% reduction in grain yield as opposed to moisture deficit at vegetative phase.</p>
<p>B. The growing season of some plants can hardly be determined.</p> <p>Đoạn văn gốc không nhắc đến việc mùa phát triển của vài loại cây trồng khó có thể được xác định (can hardly be</p>	<p>Meanwhile, ecological analyses clearly show moisture deficit is imposed at different growth stages of crops. If moisture deficit occurs around a crucial growth stage, it will cause about 22% reduction in grain yield as opposed to moisture deficit at vegetative phase.</p>

<p>determined). => NOT GIVEN</p>	
<p>C. There will be a huge gap between the water plants needed and the water the earth can offer.</p> <p>Đoạn văn gốc giải nghĩa “Moisture deficit” là “the gap between the water plants need during the growing season and the water the earth can offer”. Nếu câu hỏi chỉ là “What does “moisture deficit” mean?” thì nhiều người làm sẽ dễ nhầm đây là đáp án đúng. Nhưng ý thực sự ở đây là “means to grain and crops”, tức là ảnh hưởng của Moisture deficit đến cây trồng. Vậy ý C không phải câu trả lời cho câu hỏi. => NOT GIVEN</p>	<p>Moisture deficit is the gap between the water plants need during the growing season and the water the earth can offer.</p>
<p>D. The soil of the grain and crops in New Zealand reached its lowest production since the 1970s.</p> <p>Thông tin của đáp án D không xuất hiện trong đoạn văn gốc => NOT GIVEN</p>	<p>Measures of moisture deficit were at their highest since the 1970s in New Zealand.</p>
<p>30. What changes will happen to the skiing industry due to the global warming phenomenon?</p> <p>Đáp án chính xác là C. The snowfall may increase in parts of the skiing station.</p> <p>Giải thích: Ở đoạn văn gốc, tác giả có đề cập đến việc khi nhiệt độ tăng lên (the temperature goes up),</p>	<p>The snow line may move up as the temperature goes up, and then the snow at the bottom will melt earlier. Fortunately, it is going to be favorable for the local skiing industry to tide over tough periods since the quantities of snowfall in some areas are more likely to increase.</p>

<p>lượng tuyết rơi ở một số khu vực (the quantities of snowfall in some areas) sẽ có nhiều khả năng tăng lên (more likely to increase). Ý của đáp án C hoàn toàn khớp với ý của tác giả.</p> <p>Lý do các đáp án còn lại chưa chính xác:</p>	
<p>A. The skiing station may <u>lower the altitude of skiing</u></p> <p>Đáp án A thể hiện ý: khu trượt tuyết có thể hạ thấp độ cao (altitude) của chỗ trượt tuyết. Ý này không hề được nhắc đến ở đoạn văn gốc.</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	<p>The snow line may move up as the temperature goes up, and then the snow at the bottom will melt earlier. Fortunately, it is going to be favorable for the local skiing industry to tide over tough periods since the quantities of snowfall in some areas are more likely to increase.</p>
<p>B. Part of the skiing station <u>needs to move to the north.</u></p> <p>Đáp án B thể hiện ý: một phần của khu trượt tuyết cần chuyển về hướng bắc (move to the north). Ý này không hề được nhắc đến ở đoạn văn gốc.</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	<p>The snow line may move up as the temperature goes up, and then the snow at the bottom will melt earlier. Fortunately, it is going to be favorable for the local skiing industry to tide over tough periods since the quantities of snowfall in some areas are more likely to increase.</p>
<p>D. The local skiing station is likely to <u>make a profit because</u> of the increasing snowfall.</p> <p>Đáp án D thể hiện ý: khu trượt tuyết nhiều khả năng sẽ có lợi nhuận (make a profit) nhờ lượng tuyết rơi tăng (increasing snowfall). Ý này không hề xuất hiện</p>	<p>The snow line may move up as the temperature goes up, and then the snow at the bottom will melt earlier. Fortunately, it is going to be favorable for the local skiing industry to tide over tough periods since the quantities of snowfall in some areas are more likely to increase.</p>

<p>trong đoạn văn gốc.</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	
<p>31. Cumulative changes over a long period of time in mass balance will lead to _____</p> <p>Đáp án chính xác là A. Alterations in the volume and thickness of glaciers.</p> <p>Alterations = những thay đổi (tương đương với “changes”)</p> <p>Giải thích: Ở đoạn văn gốc, tác giả đề cập đến việc những thay đổi tích lũy (cumulative changes) qua nhiều năm (Over time periods of years) đã dẫn đến sự thay đổi thể tích và độ dày (volume and thickness) của các khối băng. Ý của đáp án A trùng khớp với ý này của tác giả.</p> <p>Lý do các đáp án còn lại chưa chính xác:</p>	<p>Over time periods of years to several decades, cumulative changes in mass balance cause volume and thickness changes,</p>
<p>B. Faster changes in internal deformation and basal sliding.</p> <p>Đoạn văn gốc có nhắc đến thông tin internal deformation and basal sliding nhưng lại không nhắc đến thông tin “faster changes in internal deformation and basal sliding” như đáp án B.</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	<p>[...] which will affect the flow of ice via altered internal deformation and basal sliding.</p>

<p>C. Greater length of glaciers.</p> <p>Đoạn văn gốc có nhắc đến sự thay đổi ở độ dài (length) của các tảng băng nhưng không nói độ dài tăng lên (greater).</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	<p>Over time periods of years to several decades, cumulative changes in mass balance cause volume and thickness changes, which will affect the flow of ice via altered internal deformation and basal sliding. This dynamic reaction finally leads to glacier length changes, [...]</p>
<p>D. Retreat of glacier tongues as a result of changes in annual atmospheric conditions.</p> <p>Bài đọc không nhắc đến mối quan hệ nguyên nhân - kết quả giữa “Retreat of glacier tongues” và “annual atmospheric conditions”. Mối quan hệ ở bài đọc chỉ là: cái này là dấu hiệu (a more direct signal) của cái kia, chứ không phải là cái nào gây ra cái nào.</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	<p>This dynamic reaction finally leads to glacier length changes, the advance or retreat of glacier tongues. Undoubtedly, glacier mass balance is a more direct signal of annual atmospheric conditions.</p>
<p>32. Why does the writer mention NIWA in the sixth paragraph?</p> <p>Đáp án chính xác là A. To use a particular example to explain the effects brought by glacier melting.</p> <p>Glacier melting = băng tan</p> <p>Giải thích: Ý của tác giả ở đoạn thứ sáu được thể hiện ngay ở câu đầu của đoạn. Ở câu này, tác giả đề cập đến việc kết quả nghiên cứu của NIWA cho thấy rằng khối băng tiếp tục nhô lên (move up) bởi ảnh hưởng của sự ấm lên toàn cầu (global warming). Ý này trùng</p>	<p>The latest research result of National Institute of Water and Atmospheric (NIWA) Research shows that the glacier line keeps moving up because of the impacts of global warming.</p>

<p>khớp với ý của đáp án A. Các câu còn lại trong đoạn văn chỉ đưa ra thêm các ví dụ làm rõ hơn ý của câu đầu.</p> <p>Lý do các đáp án còn lại chưa chính xác:</p>	
<p>B. To emphasize the severance of the further loss of ice in Mt. Cook Region.</p> <p>Trong đoạn văn gốc, tác giả có đề cập đến việc băng mất đi nhiều (further losses of ice) ở khu vực Mt Cook như một ví dụ khác cho ảnh hưởng của sự ấm lên toàn cầu. Ý “nhấn mạnh sự nghiêm trọng” (emphasize the severance) của việc băng mất đi không được tác giả nêu lên ở đây.</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	<p>Further losses of ice can be reflected in Mt. Cook Region. By 1996, a 14 km long sector of the glacier had melted down forming a melt lake (Hooker Lake) with a volume.</p>
<p>C. To alarm the reader of the melting speed of glaciers at a uniform rate.</p> <p>Trong đoạn văn gốc, tác giả đề cập đến việc tảng băng trôi ngược trở lại (retreat) chứ không phải việc băng tan ở tốc độ không đổi (at a uniform rate). Ngoài ra, tác giả cũng không thể hiện ý cảnh báo người đọc (alarm the reader) như ở đáp án C.</p> <p>=> NOT GIVEN</p>	<p>Melting of the glacier front at a rate of 40 m/yr will cause the glacier to retreat at a rather uniform rate.</p>
<p>D. To note the lake in the region will disappear when it reaches the glacier bed.</p>	<p>Therefore, the lake will continue to grow until it reaches the glacier bed.</p>

Trong đoạn văn gốc, tác giả đề cập đến việc cái hồ sẽ tiếp tục chảy (grow) cho đến khi nó ra đến (reach) “glacier bed”. Tuy nhiên, tác giả không đề cập đến việc cái hồ biến mất (**disappear**) như ý của đáp án D.
=> NOT GIVEN

Questions 33-35: dạng Summary Completion

Cách làm:

- Xác định thông tin đoạn summary nằm ở đoạn nào trong bài nhờ vào các key words trong đoạn summary
- Xác định nhanh từ loại của vị trí cần điền và đoán ý nghĩa của vị trí đó
- Tìm thông tin cụ thể trong đoạn văn và điền vào chỗ trống
- Chú ý: đề bài yêu cầu điền **không nhiều hơn hai từ**

Research data shows that sea level has a close relation with the change of climate. **The major reason** for **the increase in sea level** is connected with [...]

Dựa vào keywords trong đoạn summary, ta xác định được đoạn văn chứa đáp án là đoạn thứ 7.

Đoạn thứ 7

A direct result of the melting glaciers is the change of high tides that serves **the main factor** for **sea level rise**.

The major reason for **the increase in sea level** is connected with 33 _____

Đáp án cần điền là một danh từ.

Trong đoạn văn gốc, tác giả nhắc đến thủy triều dâng cao (high tides) là nguyên nhân chính (main

A direct result of the melting glaciers is the change of high tides that serves as **the main factor** for **sea level rise**.

factor) khiến mực nước biển dâng cao (sea level rise) => đáp án là high tides.

The increase in sea level is also said to have a threat to the underground water system, the destruction of which caused by rise of sea level will lead to a high probability of reduction in 34 _____

Đáp án cần điền là một danh từ.

Trong đoạn văn gốc, tác giả nhắc đến việc xu hướng mực nước biển dâng (The trend of sea level rise) sẽ gây ra mối nguy cho hệ thống nước ngầm (bring a threat to the groundwater system) và có khả năng (pose a possibility) làm giảm (decrease) sản xuất nông nghiệp (agricultural production) => đáp án là agricultural production

In the long run, New Zealand may have to improve the 35 _____ if they want to diminish the effect produced by the change in sea levels.

Đáp án cần điền là một danh từ.

Trong đoạn văn gốc, tác giả đề cập đến cách tốt nhất để làm giảm thiểu xu hướng mực nước biển dâng (counter this trend) là đưa ra tầm nhìn dài hạn (longer-term view) về vấn đề này. Sau đó, tác giả đưa ra ví dụ cụ thể: "coastal boundaries" cần được nâng cấp => đáp án là coastal boundaries

The trend of sea level rise will bring a threat to the groundwater system for its hyper-saline groundwater and then pose a possibility to decrease the agricultural production.

Many experts believe that the best way to counter this trend is to give a longer-term view of sea level change in New Zealand. Indeed, the coastal boundaries need to be upgraded and redefined.

Questions 36-40: dạng Yes/No/Not Given

Cách làm: Xem với các nội dung chính của câu hỏi, có tìm được các nội dung tương ứng trong bài đọc không: Nếu toàn bộ nội dung chính của câu hỏi được tác giả nhắc đến trong bài đọc: đáp án là **Yes** hoặc **No**, ta so sánh ý nghĩa các nội dung sẽ ra đáp án cuối cùng.

Nếu không tìm đủ toàn bộ nội dung tương ứng trong đoạn văn (ví dụ: câu hỏi có 3 nội dung chính, nhưng đoạn văn chỉ nhắc đến 2/3): đáp án là **NOT GIVEN**.

<p>36. Not given</p> <p>Farmers are less responsive to climate change than agriculturists.</p> <p>Giải thích: Dù trong đoạn văn gốc, tác giả có nhắc đến “local people” (= farmers), “experts” (= agriculturists) hay “global warming” (= climate change), ý “less responsive” của câu hỏi không hề được nhắc đến.</p>	<p>The emphasis on global warming should be based on the joint efforts of local people and experts who conquer the tough period.</p>
<p>37. Not given</p> <p>Agricultural sector is too conservative and resistant to deal with climate change.</p> <p>Dù trong đoạn văn gốc, tác giả đề cập đến người nông dân (farmers) và nhà nông nghiệp học (agriculturists) (cả 2 đều liên quan tới agricultural sector), ý “conservative and resistant” không hề được nhắc tới.</p>	<p>For instance, farmers are taking a long term, multi-generational approach to adjust the breeds and species according to the temperature.</p> <p>Agriculturists also find ways to tackle the problems that may bring to the soil.</p>
<p>38. No</p> <p>Turtles are vulnerable to climate change.</p>	<p>Experts have surprisingly realized that animals have unconventional adaptations to global warming. [...]</p>

Trong đoạn văn gốc, tác giả đề cập đến việc động vật có những sự thích nghi khác lạ (unconventional adaptations) với sự ấm lên toàn cầu. Sau đó, tác giả đưa ra ví dụ: rùa biển (sea turtles) có thể trở thành con đực hoặc cái dựa vào nhiệt độ. Vậy, theo ý tác giả, rùa biển không bị tổn thương (vulnerable) trước sự ấm lên toàn cầu.

sea turtles can become male or female according to **the temperature**.

39. Yes
Global warming is **going slowly**, and it may **have different effects** on **different areas** in **New Zealand**.

Trong đoạn văn gốc, tác giả đề cập đến việc quá trình phát triển chậm (slow process) của sự ấm lên toàn cầu có thể có ảnh hưởng khác nhau (have a different impact) đến các vùng khác nhau (various regions) ở New Zealand. Ý này trùng khớp với ý của câu hỏi.

Tackling the **problems of global warming** is never easy in **New Zealand**, because records show the **slow process** of **global warming** may **have a different impact** on **various regions**.

40. No
New Zealand **must cut carbon dioxide emission** if they want to solve the problem of global warming.

Trong đoạn văn gốc, tác giả nhắc đến việc lượng khí CO2 thải ra (emission of carbon dioxide) chỉ chiếm 0,5% lượng tổng của thế giới (only accounts for 0.5% of the world's total), và lượng này đạt tiêu chuẩn của chính phủ (met the governmental standard). Vậy, theo ý của tác giả, New Zealand không cần phải cắt giảm lượng khí thải CO2.

For **New Zealand**, the **emission of carbon dioxide** **only accounts for 0.5% of the world's total**, which has **met the governmental standard**.